



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

18.09.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

GIẢM DẦN BIẾN ĐỘNG

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	376
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	108
Số cổ phiếu giảm giá	208
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	60

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	214
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	52
Số cổ phiếu giảm giá	83
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	79

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	376
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	116
Số cổ phiếu giảm giá	144
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	116

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	58,723.17	96,980.20	(38,257.04)
% KL toàn thị trường	6.42%	10.60%	
Giá trị	2,255,929	3,773,074	(1,517,145)
% GT toàn thị trường	8.11%	13.57%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	810.79	4,914.48	(4,103.69)
% KL toàn thị trường	6.42%	10.60%	
Giá trị	16,477	115,088	(98,612)
% GT toàn thị trường	0.71%	4.99%	

UPCOM

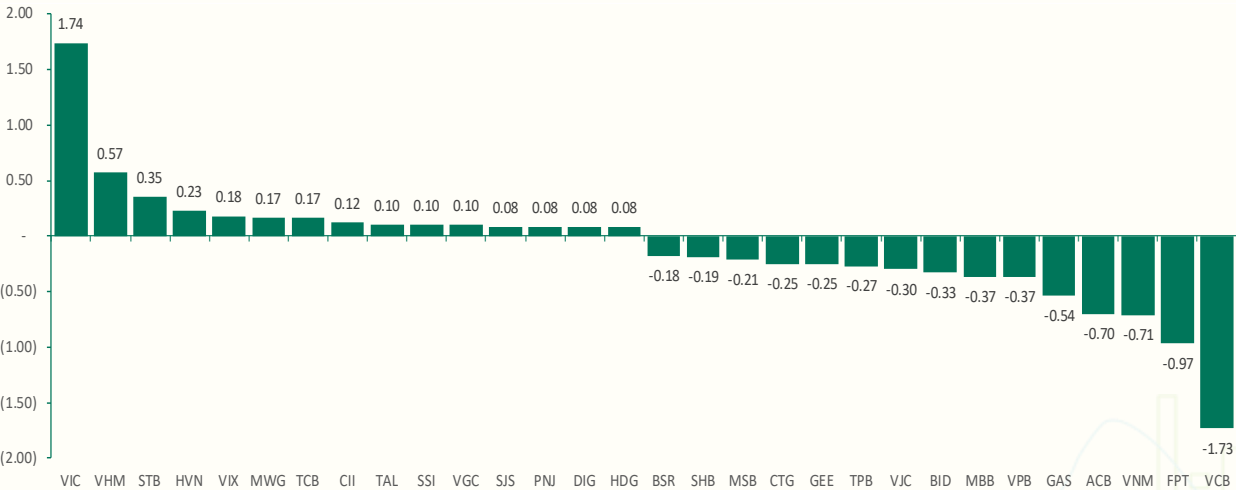
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	207.34	2,307.35	(2,100.00)
% KL toàn thị trường	0.56%	6.22%	
Giá trị	8,278	69,878	(61,599)
% GT toàn thị trường	1.52%	12.79%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	4,389,200	145,000	1,900 (1.33%)	41.00	3.55	3,537	562,669
2	VCB	8,783,400	63,900	-900 (-1.39%)	11.62	2.50	5,501	533,928
3	VHM	5,719,900	103,500	600 (0.58%)	14.70	1.84	7,039	425,117
4	BID	4,684,500	40,800	-200 (-0.49%)	10.27	1.76	3,972	286,472
5	TCB	13,628,900	38,800	100 (0.26%)	12.62	1.69	3,075	274,946
6	CTG	8,197,900	51,200	-200 (-0.39%)	9.13	1.68	5,606	274,944
7	VPB	26,645,900	30,800	-200 (-0.65%)	14.04	1.61	2,193	244,365
8	HPG	75,687,000	29,150	-50 (-0.17%)	13.88	1.52	2,100	223,740
9	MBB	17,716,200	26,800	-200 (-0.74%)	6.19	1.28	4,331	215,874
10	FPT	8,198,400	103,000	-2,500 (-2.37%)	17.57	3.83	5,862	175,461

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-0.37%	+35.63%	1,599
▼ Tài chính	-0.64%	+34.35%	104
> Tổ chức tín dụng	-0.71%	+32.41%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.04%	+56.60%	62
> Bảo hiểm	-0.87%	+16.82%	13
▶ Bất động sản	+0.60%	+99.05%	132
▼ Công nghiệp	-0.19%	+29.63%	401
> Vận tải	-0.28%	+24.94%	117
> Hàng hóa công nghiệp	-0.03%	+39.56%	231
> Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	-0.30%	+39.53%	53
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.62%	+2.34%	189
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.62%	+2.62%	156
> Thương mại hàng thiết yếu	-0.45%	0%	9
> Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	+0.20%	+9.84%	4
▶ Nguyên vật liệu	-0.31%	+17.89%	284
▶ Tiện ích	-0.19%	+7.22%	154
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	+0.02%	+23.53%	187
> Thương mại hàng không thiết yếu	+0.41%	+20.67%	65
> Dịch vụ tiêu dùng	-0.34%	+3.08%	37
> Thời trang và hàng lâu bền	-0.68%	+59.96%	72
> Xe và linh kiện	+0.14%	+2.60%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	-1.53%	-18.58%	41
> Dịch vụ viễn thông	-1.60%	-20.12%	18
> Truyền thông và giải trí	-2.15%	+13.40%	23
▶ Năng lượng	-1.13%	+0.06%	53
▼ Công nghệ thông tin	-2.32%	-20.87%	16
> Phần mềm và dịch vụ	-2.38%	-21.15%	9
> Phần cứng và thiết bị	+1.21%	+26.48%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.43%	+4.84%	58
> Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	-0.37%	+7.54%	47
> Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-1.09%	-27.12%	11

Giảm dần biến động

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 5.79 điểm (- 0.35%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Bất động sản, thương mại hàng không thiết yếu, xe và linh kiện...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VIC, VHM, KBC, SJS, PDR, DIG, TAL. CEO, HDC, IJC, MWG, PNJ, HUT, PET, DRC, CSM...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VHM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small Black Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên chưa mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu cản trở đà tăng;
- ✓ Để hình thành sóng 5 tăng giá mở rộng với mục tiêu 132, VHM cần phải vượt qua điểm Make or Break là 112 vào lúc này – Đây là vùng quyết định sóng mở rộng;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55.43%;

(ii) IJC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá tăng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ IJC đang trong sóng đẩy tăng giá mạnh mẽ;
- ✓ Sóng 4 hiệu chỉnh có vùng hỗ trợ 11 – 13. Đường như cổ phiếu đang trong pha điều chỉnh nông của sóng 4;
- ✓ Sóng 5 tăng giá có mục tiêu 15 – 19;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57.87%;

(iii) MWG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ MWG vẫn pha sóng đẩy tăng giá rất mạnh. Make Or Break hiện tại là vùng 82 và đây là vùng quyết định đảo độ dốc tăng giá của MWG;
- ✓ Giá mục tiêu sóng 5 là 110;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56.82%

(2) Phần mềm và dịch vụ, truyền thông và giải trí, dịch vụ viễn thông, năng lượng, bảo hiểm, tổ chức tín dụng, thời trang và hàng lâu bền, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, nguyên vật liệu, vận tải, tiện ích, dịch vụ tài chính...là nhóm giảm giá nhiều nhất

trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như FPT, CMG, ELC, VNZ, YEG, FOX, VNB, VGI, CTR, BSR, PLX, PVS, OIL, PVT, PVD, BVH, MIG, BIC, VCB, BID, CTG, VPB, MBB, HDB, TPB, VGT, MSH, TCM, GIL, VNM, MSN, SAB, VHC, KDC, MML, DBC, HPG, GVR, DGC, MSR, DCM, DPM, CSV, PTB, VCS, ACV, VJC, HAH, VTP, GAS, REE, VND, SHS, HCM...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) YEG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ YEG đang ở trạng thái Sideway với vùng giá 13 – 15;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57.27%;

(ii) BSR giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ BSR vẫn trong xu hướng sóng mạnh và đang trong pha đỉnh chỉnh sóng. Vùng hỗ trợ quanh vùng giá 24 và kháng cự quanh vùng giá 29;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57.50%;

(iii) HDB giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong pha giảm giá sóng 4 – Sóng này có khả năng điều chỉnh sâu chứ không nông và mục tiêu giảm về vùng 26 – 28;
- ✓ Chúng tôi nhận thấy cấu trúc sóng nhỏ 12345 trong sóng C giảm giá sóng 4;
- ✓ Vùng quyết định sóng 4 điều chỉnh sâu hay không là vùng giá 30;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56.41%;

(iv) VND giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 4 với pha Sideway và 22 là điểm Make or Break của cổ phiếu – NĐT nên quan sát mốc hỗ trợ này trong ngắn hạn nếu còn nắm giữ;
- ✓ VND đã giảm lượng phát hành riêng lẻ chỉ còn hơn 106 triệu cổ phiếu giảm bớt áp lực pha loãng với cổ phiếu lúc này;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55.92%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Chờ đợi tái cân bằng ETF vào ngày mai

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm thấp hơn mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 1,689 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: GEX, HVN, NKG, VPB, VHC, DXG, NT2, EIB, FUEVFNVD, ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VIC, VHM, SSI, VIX, MSN, MWG, VCB, SHS, HPG, TPB...Mai là ngày tái cân bằng ETF và khối ngoại đóng vai trò bán ròng là chủ đạo và chúng tôi cho rằng thị trường sẽ gần như tập trung khối lượng giao dịch vào cuối giờ.

(ii) VN-Index sau khi tiến về gần mốc 1,700 điểm đang có xu hướng điều chỉnh. Có vẻ diễn biến thị trường đang đi theo chiều hướng đi ngang trong khung 1,600 – 1,700 điểm như chúng tôi từng chia sẻ. Dòng tiền tổ chức trong nước đã bán 1,739 tỷ trong phiên hôm nay cũng phù hợp với câu chuyện chúng tôi từng chia sẻ đây là giai đoạn tổ chức trong nước có vai trò dẫn dắt cao hơn so với các nhóm còn lại (Giai đoạn 2021, các cá nhân trong nước đóng vai trò dẫn dắt lớn).

Các cổ phiếu vượt đỉnh trong phiên hôm nay là VIP, KLB, VIC...

Các cổ phiếu mua tích lũy trong phiên hôm nay là GEG, VCS, FPT, HQC, ACV, DGC, PVT...

Các cổ phiếu có tiền vào mạnh: VCS, SMC, ELC, SCR ...

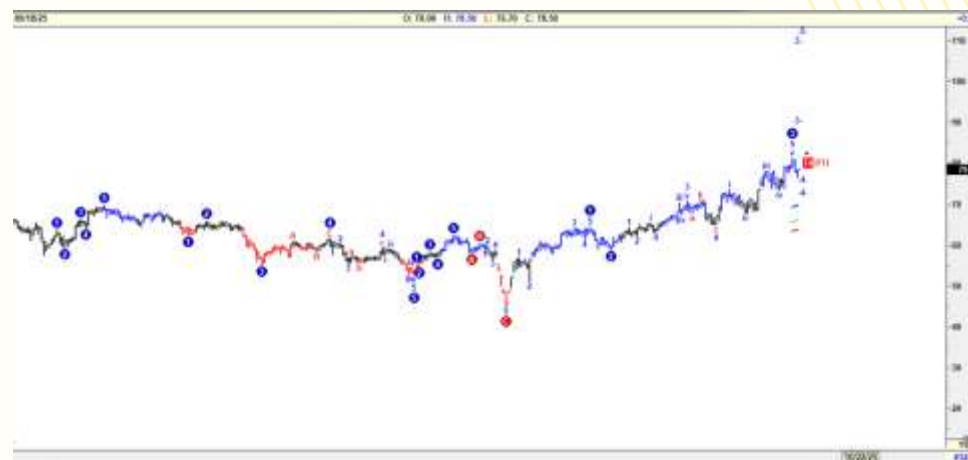
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 10 mã cho tín hiệu mua, 03 mã cho tín hiệu bán, 17 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã PLX, VIC, VHM, STB, SSB, FPT, VNM, MWG, LPB...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 53.32% và 40.28% giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ là 1,600 điểm và kháng cự là 1,700 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu MWG



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	606.34	606.9	605.77	YES	611.1	617	621.76	627.66	600.44	595.68	589.78	585.02
HNXINDEX	277.35	277.56	277.13	YES	278.58	280.25	281.48	283.15	275.68	274.45	272.78	271.55
UPINDEX	111.22	111.27	111.16	YES	111.66	112.23	112.67	113.24	110.65	110.21	109.64	109.2
VN30	1863.45	1864.31	1862.6	YES	1877.81	1893.87	1908.23	1924.29	1847.39	1833.03	1816.97	1802.61
VNINDEX	1666.38	1666.97	1665.78	YES	1678.43	1691.69	1703.74	1717	1653.12	1641.07	1627.81	1615.76
VNXALL	2865.58	2864.19	2866.97	YES	2895.25	2922.14	2951.81	2978.7	2838.69	2809.02	2782.13	2752.46
VN30FIM	1861.87	1864.5	1859.23	NO	1871.73	1886.87	1896.73	1911.87	1846.73	1836.87	1821.73	1811.87
VN30FIQ	1846.57	1850.05	1843.08	NO	1858.03	1876.47	1887.93	1906.37	1828.13	1816.67	1798.23	1786.77
VN30F2M	1855	1857.5	1852.5	NO	1868.5	1887	1900.5	1919	1836.5	1823	1804.5	1791
VN30F2Q	1832	1834.75	1829.25	NO	1840	1853.5	1861.5	1875	1818.5	1810.5	1797	1789
ACB	25.77	25.88	25.66	NO	25.98	26.42	26.63	27.07	25.33	25.12	24.68	24.47
BCM	69	68.9	69.1	NO	69.9	70.6	71.5	72.2	68.3	67.4	66.7	65.8
BID	40.93	41	40.87	NO	41.32	41.83	42.22	42.73	40.42	40.03	39.52	39.13
BVH	59.07	59.25	58.88	NO	59.63	60.57	61.13	62.07	58.13	57.57	56.63	56.07
CTG	51.13	51.1	51.17	YES	51.67	52.13	52.67	53.13	50.67	50.13	49.67	49.13
GVR	28.8	28.8	28.8	YES	29	29.2	29.4	29.6	28.6	28.4	28.2	28
FPT	104.1	104.65	103.55	NO	105.2	107.4	108.5	110.7	101.9	100.8	98.6	97.5
GAS	63.33	63.5	63.17	NO	63.77	64.53	64.97	65.73	62.57	62.13	61.37	60.93
HDB	30.62	30.58	30.66	NO	31.03	31.37	31.78	32.12	30.28	29.87	29.53	29.12
HPG	29.05	29	29.1	NO	29.5	29.85	30.3	30.65	28.7	28.25	27.9	27.45
LPB	45.43	45.45	45.42	YES	45.82	46.23	46.62	47.03	45.02	44.63	44.22	43.83
MBB	26.83	26.85	26.82	YES	27.07	27.33	27.57	27.83	26.57	26.33	26.07	25.83
MSN	84.23	84.35	84.12	NO	84.97	85.93	86.67	87.63	83.27	82.53	81.57	80.83
MWG	77.9	77.6	78.2	NO	79.1	79.7	80.9	81.5	77.3	76.1	75.5	74.3
PLX	35.77	35.85	35.68	NO	35.98	36.37	36.58	36.97	35.38	35.17	34.78	34.57
SAB	47.02	47.13	46.91	NO	47.33	47.87	48.18	48.72	46.48	46.17	45.63	45.32
SSB	19.9	19.85	19.95	NO	20.25	20.5	20.85	21.1	19.65	19.3	19.05	18.7
SHB	17.9	17.92	17.88	NO	18.15	18.45	18.7	19	17.6	17.35	17.05	16.8
SSI	40.83	40.85	40.82	YES	41.37	41.93	42.47	43.03	40.27	39.73	39.17	38.63
TCB	38.6	38.5	38.7	NO	39	39.2	39.6	39.8	38.4	38	37.8	37.4
TPB	19	19.08	18.92	NO	19.3	19.75	20.05	20.5	18.55	18.25	17.8	17.5
STB	56.7	56.55	56.85	NO	57.6	58.2	59.1	59.7	56.1	55.2	54.6	53.7
VCB	64.13	64.25	64.02	NO	64.67	65.43	65.97	66.73	63.37	62.83	62.07	61.53
VHM	104.73	105.35	104.12	NO	106.97	110.43	112.67	116.13	101.27	99.03	95.57	93.33
VIB	20.55	20.55	20.55	YES	20.85	21.15	21.45	21.75	20.25	19.95	19.65	19.35
VIC	145.47	145.7	145.23	NO	149.43	153.87	157.83	162.27	141.03	137.07	132.63	128.67
VJC	140.37	140.65	140.08	NO	141.53	143.27	144.43	146.17	138.63	137.47	135.73	134.57
VPB	30.78	30.77	30.79	YES	31.27	31.73	32.22	32.68	30.32	29.83	29.37	28.88
VNM	64.13	64.4	63.87	NO	64.77	65.93	66.57	67.73	62.97	62.33	61.17	60.53
VRE	30.58	30.77	30.39	NO	31.12	32.03	32.57	33.48	29.67	29.13	28.22	27.68

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
LDG	7,465,700	3,620,580	206	2.05
GEG	2,723,700	813,520	335	2.5
BKG	1,339,400	204,450	655	0.3
TDH	852,900	242,030	352.39	5.62
TEG	570,100	282,370	202	5.99
DSC	490,800	159,780	307	1.94
NCG	452,000	26,720	1691.62	0
BWE	428,000	207,450	206	1.15
HVH	417,700	148,650	281	4.07
HTI	345,900	137,250	252.02	2.88
NBP	314,000	1,090	28,807	9.35
VTV	303,700	73,930	411	1.59
C92	273,900	9,310	2,942	4.76
GPC	226,600	99,720	227	0
ACL	172,300	35,520	485.08	6.85
ECO	142,400	63,220	225	-3.57
HDA	97,900	27,440	357	-8.06
HU3	91,200	20,900	436	-2.7
VNB	85,800	36,890	233	-1.17
MCF	79,600	10,770	739.09	2.67
ILS	78,000	11,800	661	0
KGM	59,200	15,240	388	-3.39
HTE	58,300	5,480	1,064	0
SLD	55,100	780	7,064	-5.41
NXT	49,200	23,090	213.08	-4.17
FUEKIVND	48,700	480	10,146	-1.27
HU1	47,700	6,030	791	6.98
MCO	41,000	15,240	269	-2.74
TT6	40,200	8,370	480	0
TYA	37,000	17,060	217	-0.26
ABR	36,800	4,160	885	6.79
VLG	33,500	15,740	213	3.23
FUEMAVND	32,600	1,670	1,952	-1.07
SRC	29,100	10,490	277	-5.68
UDJ	27,500	12,350	223	0
SMA	27,000	1,600	1,688	6.53
BCF	26,700	390	6,846	4.84
BTB	25,200	5,610	449	0
CMV	23,900	5,420	441	3.33
INN	21,800	5,880	371	4.39

- Lưu ý: LDG, GEG...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
18-Sep	HDG	Mua	≤ 32	10% -20%	Tín hiệu mua theo phương pháp Price Action Rejections

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 01 CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 17/09, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.198 VND/USD, giảm 10 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.989 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay ở mức 26.407 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.370 VND/USD, giảm tiếp 09 đồng so với phiên 16/09. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 26.440 VND/USD và 26.540 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 17/09, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,03 – 0,10 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 4,59%; 1W 4,70%; 2W 4,96% và 1M 5,29%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giữ nguyên ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi tăng 0,01 đpt ở các kỳ hạn còn lại, giao dịch tại: ON 4,30%; 1W 4,36%; 2W 4,40%, 1M 4,43%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng nhẹ ở kỳ hạn 10Y, chốt phiên ở mức: 3Y 2,77%; 5Y 3,01%; 7Y 3,36%; 10Y 3,56%; 15Y 3,64%.
- Nghịệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày, 1.000 tỷ đồng ở mỗi kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày, 2.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 4.726,71 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, 1.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 703,47 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày; 1.573,29 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày. Có 6.700,48 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua NHNN bơm ròng 1.302,99 tỷ đồng ra thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở. Có 168.170,86 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.
- Thị trường trái phiếu:** Phiên 17/09, KBNN đấu thầu thành công 7.225 tỷ đồng/13.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tương đương tỷ lệ trúng thầu đạt 53,5%). Trong đó, kỳ hạn 5Y trúng thầu toàn bộ 1.000 tỷ đồng gọi thầu, 10Y trúng thầu 6.200 tỷ đồng/9.000 tỷ đồng gọi thầu và kỳ hạn 30Y trúng thầu 25 tỷ đồng/500 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 15Y gọi thầu 3.000 tỷ đồng, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu. Lãi suất trúng thầu ở kỳ hạn 5Y là 3,0% (+0,20 đpt so với phiên đấu thầu trước), 10Y là 3,51% (+0,10 đpt), 30Y là 3,60% (+0,13 đpt).

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Tóm tắt dự báo kinh tế của FED hôm qua

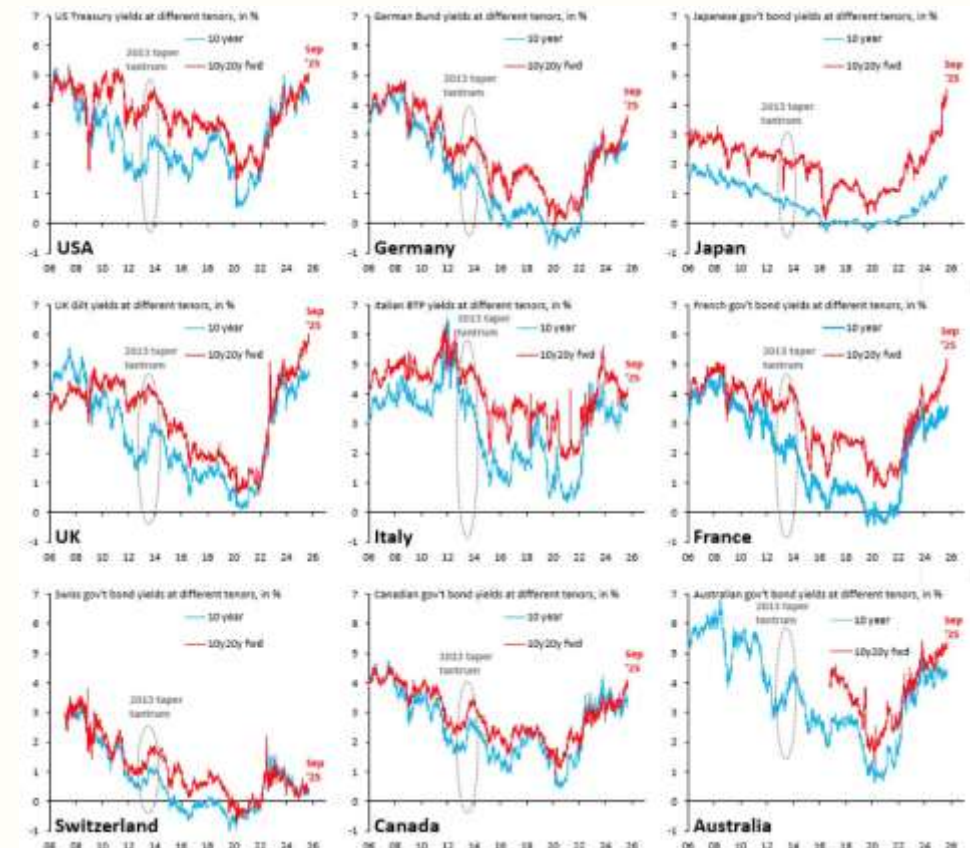
- Dự báo GDP được đưa ra cho năm 2025, 2026 và 2027
- Dự báo tỷ lệ thất nghiệp năm 2025 không đổi, giảm vào năm 2026 và 2027
- Dự báo PCE năm 2025 không thay đổi, nâng lên năm 2026, không thay đổi năm 2027
- Dự báo PCE cốt lõi cho năm 2025, được nâng lên cho năm 2026 và không được nâng lên cho năm 2027
- Dự báo lãi suất của Fed giảm từ 3,9% xuống 3,6% trong năm 2025 hoặc thêm 2 lần giảm lãi suất nữa. Dự kiến năm 2026 sẽ giảm thêm 1 lần nữa xuống 3,4% và năm 2027 sẽ giảm tiếp 1 lần nữa xuống 3,1%.

Table 1. Economic projections of Federal Reserve Board members and Federal Reserve Bank presidents, under their individual assumptions of projected appropriate monetary policy, September 2025

Variable	Median ¹					Central Tendency ²					Range ³				
	2025	2026	2027	2028	Longer run	2025	2026	2027	2028	Longer run	2025	2026	2027	2028	Longer run
Change in real GDP	1.8	1.8	1.8	1.8	1.8	1.4-1.7	1.7-2.1	1.8-2.0	1.7-2.0	1.7-2.0	1.3-2.0	1.5-2.6	1.7-2.7	1.6-2.8	1.7-2.5
Real projection	1.4	1.6	1.8		1.8	1.2-1.5	1.5-1.8	1.7-2.0		1.7-2.0	1.1-2.1	0.6-2.5	0.6-2.5		1.5-2.5
Unemployment rate	4.5	4.4	4.3	4.2	4.2	4.4-4.5	4.4-4.5	4.2-4.4	4.0-4.3	4.0-4.3	4.2-4.6	4.0-4.0	4.0-4.5	4.0-4.5	3.8-4.5
Rate projection	4.5	4.5	4.4		4.2	4.4-4.5	4.3-4.6	4.2-4.6		4.0-4.3	4.3-4.6	4.3-4.7	4.0-4.7		3.5-4.5
PCE inflation	3.0	2.6	2.1	2.0	2.0	2.9-3.0	2.4-3.7	2.0-2.2	2.0	2.0	2.5-3.2	2.2-2.8	2.0-2.4	2.0	2.0
Rate projection	3.0	2.4	2.1		2.0	2.8-3.2	2.3-2.8	2.0-2.2		2.0	2.5-3.3	2.1-3.1	2.0-2.8		2.0
Core PCE inflation ⁴	3.1	2.6	2.1	2.0		3.0-3.2	2.5-2.7	2.0-2.2	2.0		2.7-3.4	2.2-2.9	2.0-2.4	2.0-2.2	
Rate projection	3.1	2.4	2.1			2.9-3.4	2.3-2.7	2.0-2.2			2.5-3.5	2.1-3.2	2.0-2.9		
Memo: Projected appropriate policy path															
Federal funds rate	3.6	3.4	3.1	3.1	3.0	3.6-4.1	2.9-3.6	2.9-3.6	2.8-3.6	2.8-3.5	2.9-4.4	2.6-3.9	2.4-3.9	2.6-3.9	2.6-3.9
Rate projection	3.9	3.6	3.4		3.0	3.9-4.4	3.1-3.9	2.9-3.6		2.6-3.6	3.6-4.3	2.6-4.1	2.6-3.8		2.5-3.9

Lợi suất trái phiếu chính phủ dài hạn đang có xu hướng tăng

Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn rất dài (màu đỏ) đang tăng lên ở khắp mọi nơi. Có những điểm nóng đặc thù như Nhật Bản, Pháp và Anh, nhưng vấn đề đang diễn ra còn lớn hơn thế nhiều. Chính sách tài khóa toàn cầu đã quá lỏng lẻo trong một thời gian quá dài có thể là nguyên nhân khiến lợi suất tăng mạnh. Áp lực với các NHTW bây giờ là phải kiểm soát đường cong lợi suất dài hạn này. Có thể các công cụ chính sách mới sẽ hình thành.



Thị trường vẫn có nhiều cổ phiếu lớn có mẫu hình tăng giá đẹp – Tín hiệu điều chỉnh chưa xuất hiện

Alibaba thiết lập mô hình tăng giá Wyckoff

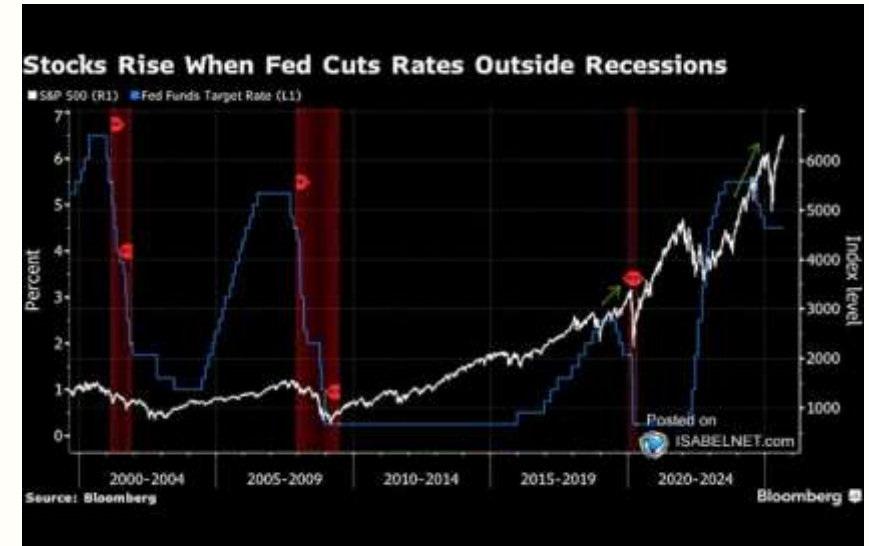


Điểm mua vàng trên đồ thị AEO – Tín hiệu tích cực



Khi Fed cắt giảm lãi suất ngoài thời kỳ suy thoái, cổ phiếu Hoa Kỳ thường hoạt động tốt, được hưởng lợi từ các điều kiện vay dễ dàng hơn, triển vọng thu nhập mạnh hơn và sự thay đổi trong sở thích rủi ro của nhà đầu tư

Nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng đang bứt phá – Citi thiết lập mốc cao mới



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

